

# QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC HÒA NHẬP Ở CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Huỳnh Thị Kim Cương<sup>1</sup>, Nguyễn Thị Quỳnh Anh<sup>2</sup>  
<sup>1</sup>Trường tiểu học Phạm Hữu Lầu, phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh  
<sup>2</sup>Trường Đại học Vinh  
Email: anhntq@vinhuni.edu.vn

**Tóm tắt:** Bài báo trình bày kết quả nghiên cứu về quản lý hoạt động giáo dục hòa nhập (GDHN) ở các trường tiểu học Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Trên cơ sở hệ thống hóa lý luận về GDHN và quản lý GDHN, nghiên cứu tiến hành khảo sát thực trạng trên 170 cán bộ quản lý và giáo viên tại 5 trường tiểu học. Kết quả cho thấy hoạt động GDHN và quản lý GDHN được triển khai ở mức khá, song còn nhiều hạn chế như năng lực giáo viên chưa đồng đều, cơ sở vật chất chưa đáp ứng đầy đủ, cơ chế phối hợp giữa các lực lượng giáo dục còn yếu. Từ đó, bài báo đề xuất 06 biện pháp quản lý GDHN khả thi, bao gồm: bồi dưỡng nâng cao nhận thức, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo, kiểm tra - giám sát và đảm bảo cơ sở vật chất. Các biện pháp đã được khảo nghiệm và đánh giá cao về tính cấp thiết và tính khả thi, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đảm bảo quyền học tập bình đẳng cho học sinh khuyết tật tại địa bàn nghiên cứu.

**Từ khóa:** giáo dục hòa nhập, quản lý giáo dục hòa nhập, trường tiểu học, học sinh khuyết tật, Quận 7.

## MANAGEMENT OF INCLUSIVE EDUCATION ACTIVITIES AT PRIMARY SCHOOLS IN DISTRICT 7, HO CHI MINH CITY

**Abstract:** This paper presents the research findings on the management of inclusive education (IE) activities at primary schools in District 7, Ho Chi Minh City. Based on a systematized theoretical framework of IE and its management, a survey was conducted with 170 school administrators and teachers at five primary schools. Results indicate that IE activities and their management are implemented at a fairly good level; however, limitations remain, including uneven teacher competencies, insufficient physical facilities, and weak coordination mechanisms among educational stakeholders. Accordingly, the paper proposes six feasible management measures: awareness training, planning, implementation organization, guidance and direction, inspection and monitoring, and physical facility assurance. These measures were validated and rated highly for their urgency and feasibility, thereby contributing to improving educational quality and ensuring equal learning rights for students with disabilities in the studied area.

**Keywords:** inclusive education, inclusive education management, primary school, students with disabilities, District 7.

Nhận bài: 15/05/2026

Phản biện: 15/06/2026

Duyệt đăng: 18/06/2026

### I. GIỚI THIỆU

Giáo dục hòa nhập (GDHN) là xu thế tất yếu của nền giáo dục hiện đại, hướng tới bảo đảm quyền học tập bình đẳng cho mọi trẻ em, đặc biệt là trẻ em khuyết tật. Tuyên bố Salamanca (UNESCO, 1994) đã khẳng định trường học hòa nhập là phương tiện hiệu quả nhất để chống lại sự phân biệt đối xử, xây dựng xã hội hòa nhập và nâng cao chất lượng giáo dục cho mọi người. Báo cáo GEM của UNESCO (2020) tiếp tục nhấn mạnh GDHN là điều kiện tiên quyết để đạt mục tiêu phát triển bền vững về giáo dục (SDG 4).

Tại Việt Nam, GDHN có cơ sở pháp lý vững chắc. Luật Người khuyết tật (2010), Thông tư 03/2018/TT-BGDĐT và Luật Giáo dục (2019) đều khẳng định GDHN là phương thức giáo dục nhằm bảo đảm quyền học tập bình đẳng, tôn trọng sự đa dạng của người học và không phân biệt đối xử. Tuy nhiên, thực tiễn triển khai tại các trường tiểu học vẫn bộc lộ nhiều khoảng cách giữa chủ trương và thực thi, đặc biệt về năng lực đội ngũ, điều kiện cơ sở vật chất và cơ chế phối hợp (Trần Thị Lệ Thu, 2015; Nguyễn Xuân Hải, 2016).

Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh là địa bàn đô thị hóa nhanh, với số lượng học sinh khuyết tật tham gia học hòa nhập tương đối cao. Công tác GDHN đã được ngành giáo dục quan tâm, song vẫn bộc lộ nhiều bất cập như quản lý chưa đồng bộ, giáo viên thiếu năng lực chuyên môn, cơ sở vật chất hạn chế và cơ chế phối hợp giữa các lực lượng giáo dục còn yếu. Những vấn đề này đặt ra yêu cầu nghiên cứu hệ thống nhằm đề xuất các biện pháp quản lý phù hợp, góp phần nâng cao chất lượng GDHN và bảo đảm quyền học tập cho học sinh khuyết tật trong các trường tiểu học trên địa bàn.

Nhiệm vụ nghiên cứu bao gồm: (1) Hệ thống hóa cơ sở lý luận về quản lý hoạt động GDHN ở trường tiểu học; (2) Khảo sát, đánh giá thực trạng quản lý hoạt động GDHN tại các trường tiểu học Quận 7, TP. Hồ Chí Minh; (3) Đề xuất các biện pháp quản lý và khảo nghiệm tính cấp thiết, khả thi của các biện pháp đề xuất.

## II. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU

### 2.1. Giáo dục hòa nhập và các nghiên cứu liên quan

Theo UNESCO (1994), GDHN là quá trình đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của tất cả người học thông qua việc tăng cường sự tham gia vào học tập, văn hóa và cộng đồng, đồng thời giảm thiểu sự loại trừ. Ainscow (2020) mở rộng phạm vi, cho rằng GDHN không chỉ dành cho người học khuyết tật mà còn bao gồm mọi nhóm có nguy cơ bị loại trừ. Florian (2014) nhấn mạnh GDHN là cách tiếp cận thiết kế hoạt động dạy học ngay từ đầu để đáp ứng sự đa dạng, thay vì điều chỉnh sau đó. Slee (2011) coi GDHN là quá trình cải cách cấu trúc và văn hóa nhà trường nhằm loại bỏ rào cản trong học tập.

Tại Việt Nam, Luật Giáo dục (2019) định nghĩa: “*Giáo dục hòa nhập là phương thức giáo dục nhằm đáp ứng nhu cầu và khả năng khác nhau của người học; bảo đảm quyền học tập bình đẳng, chất lượng giáo dục, phù hợp với nhu cầu, đặc điểm và khả năng của người học; tôn trọng sự đa dạng, khác biệt của người học và không phân biệt đối xử.*” Nguyễn Xuân Hải (2010) và Trần Thị Lệ Thu (2015) đã hệ thống hóa quan niệm GDHN phù hợp với bối cảnh quốc gia, nhấn mạnh vai trò điều chỉnh môi trường giáo dục để học sinh khuyết tật được học cùng bạn bè đồng lứa.

### 2.2. Quản lý hoạt động giáo dục hòa nhập

Quản lý hoạt động GDHN là quá trình tác động có mục đích, có kế hoạch và có tổ chức của chủ thể quản lý đến các hoạt động GDHN nhằm bảo đảm mọi học sinh được học tập, tham gia và phát triển trong môi trường giáo dục tiểu học bình đẳng, thân thiện và phù hợp với nhu cầu cá nhân. Theo UNESCO (2009), quản lý GDHN cần hướng đến xây dựng hệ thống giáo dục có khả năng đáp ứng sự đa dạng của người học thông qua loại bỏ các rào cản trong học tập. Ainscow & Sandill (2010) nhấn mạnh vai trò của lãnh đạo nhà trường trong xây dựng tầm nhìn và văn hóa hòa nhập. Bush (2011) cho rằng quản lý nhà trường hiệu quả cần bảo đảm sự vận hành đồng bộ của các thành tố trong hệ thống giáo dục, trong đó GDHN là nội dung quan trọng.

Nội dung quản lý GDHN theo tiếp cận chức năng gồm: lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo và kiểm tra-giám sát các hoạt động giáo dục hòa nhập; đồng thời bảo đảm điều kiện cơ sở vật chất,

thiết bị và môi trường học tập phù hợp với nhu cầu của học sinh (Gómez-Hurtado, 2021; Nguyễn Xuân Hải, 2016). Tại Việt Nam, các nghiên cứu chủ yếu đề xuất biện pháp đơn lẻ, chưa có nhiều công trình xây dựng mô hình quản lý mang tính hệ thống phù hợp với bối cảnh giáo dục tiểu học, đặc biệt ở các đô thị lớn như TP. Hồ Chí Minh. Đây chính là khoảng trống nghiên cứu mà bài báo hướng tới.

## III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 3.1. Đối tượng và địa bàn nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện tại 5 trường tiểu học trên địa bàn Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, gồm: Trường Tiểu học Lê Văn Tám, Trường Tiểu học Nguyễn Thị Định, Trường Tiểu học Võ Thị Sáu, Trường Tiểu học Lương Thế Vinh và Trường Tiểu học Đinh Bộ Lĩnh. Đối tượng khảo sát gồm 170 người, trong đó có 30 cán bộ quản lý (CBQL) và 140 giáo viên (GV) đang công tác tại các trường. Mỗi trường có 6 CBQL và 28 GV tham gia khảo sát. Khảo sát được thực hiện trong năm học 2025-2026.

### 3.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phối hợp các nhóm phương pháp sau:

Nhóm phương pháp nghiên cứu lý luận: phân tích và tổng hợp tài liệu trong và ngoài nước về GDHN và quản lý GDHN; khái quát hóa các nhận định khoa học để xây dựng khung lý thuyết cho đề tài.

Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn: (1) Phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi được thiết kế trên Google Form, triển khai trực tuyến; (2) Phương pháp lấy ý kiến chuyên gia thông qua phỏng vấn và trao đổi trực tiếp; (3) Phương pháp tổng kết kinh nghiệm quản lý giáo dục.

Phương pháp thống kê toán học: Dữ liệu được xử lý bằng phần mềm SPSS 26.0 để tính tỷ lệ phần trăm (%), điểm trung bình (ĐTB), độ lệch chuẩn (ĐLC) và xếp thứ bậc các tiêu chí theo thang Likert 5 mức ( $1 \leq X \leq 5$ ). Mức đánh giá: 1,00-1,80: yếu/không cần thiết; 1,81-2,60: kém; 2,61-3,40: trung bình; 3,41-4,20: khá; 4,21-5,00: tốt/rất cần thiết.

## IV. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

### 4.1. Thực trạng hoạt động giáo dục hòa nhập ở các trường tiểu học Quận 7

Kết quả khảo sát cho thấy hoạt động GDHN ở các trường tiểu học Quận 7 được triển khai ở mức khá với ĐTB dao động từ 3,36 đến 3,85 trên thang 5 điểm.

Về thực hiện mục tiêu GDHN, ĐTB dao động từ 3,41 đến 3,84. Mục tiêu “đạt trình độ văn hóa phù hợp với năng lực học sinh trong môi trường giáo dục phổ thông” đứng thứ bậc 1 (ĐTB = 3,84; DLC = 0,95). Mục tiêu “phát triển khả năng hòa nhập và tăng cơ hội đóng góp cho cộng đồng” đứng thứ bậc thấp nhất (ĐTB = 3,41), phản ánh việc phát triển năng lực xã hội của học sinh khuyết tật chưa được quan tâm đúng mức.

Về thực hiện nội dung GDHN, ĐTB dao động từ 3,36 đến 3,85. Nội dung “phát hiện, huy động và tiếp nhận học sinh khuyết tật” đạt hiệu quả cao nhất (ĐTB = 3,85). Hai nội dung có ĐTB thấp là “sắp xếp lớp học phù hợp” (ĐTB = 3,39) và “giáo dục thể chất, thẩm mỹ cho học sinh khuyết tật” (ĐTB = 3,36), với tỷ lệ đánh giá ở mức trung bình còn cao (30%).

Về sử dụng phương pháp và hình thức GDHN, phương pháp “thay thế” được sử dụng hiệu quả nhất (ĐTB = 3,85), trong khi các phương pháp cá thể hóa như “đưa trình độ” (ĐTB = 3,42) và “tiếp cận cá nhân” (ĐTB = 3,41) còn hạn chế. Hình thức GDHN qua môn giáo dục kỹ năng sống được đánh giá cao nhất (ĐTB = 3,79), trong khi hoạt động ngoại khóa và trải nghiệm còn thiếu nguồn lực triển khai.

Về cơ sở vật chất phục vụ GDHN, ĐTB dao động từ 3,35 đến 3,82. Công tác huy động nguồn lực đầu tư và quản lý thiết bị được đánh giá tốt (ĐTB ≈ 3,81-3,82), song hệ thống công trình tiếp cận (ĐTB = 3,35) và không gian hỗ trợ chuyên biệt còn nhiều hạn chế.

#### **4.2. Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục hòa nhập**

Nhận thức của CBQL và GV về sự cần thiết của quản lý GDHN đạt mức khá (ĐTB từ 3,34 đến 3,62). Nội dung “đáp ứng yêu cầu đổi mới quản lý giáo dục” được đánh giá cao nhất (ĐTB = 3,62), trong khi “khắc phục khó khăn trong triển khai GDHN” có ĐTB thấp nhất (3,34), cho thấy nhận thức về tính cấp bách chưa thực sự đồng đều.

Về lập kế hoạch GDHN, ĐTB từ 3,55 đến 3,84. Nội dung “phân công nhiệm vụ rõ ràng và tổ chức phối hợp” đạt cao nhất (ĐTB = 3,84), trong khi “huy động và sử dụng nguồn lực” còn hạn chế (ĐTB = 3,55).

Về tổ chức thực hiện GDHN, ĐTB từ 3,70 đến 3,86. Đảm bảo điều kiện cần thiết và tổ chức dạy học phù hợp đạt hiệu quả tốt (ĐTB ≈ 3,85-3,86), nhưng phối hợp đa lực lượng còn yếu nhất (ĐTB = 3,70, mức yếu chiếm 17,1%).

Về chỉ đạo GDHN, ĐTB từ 3,43 đến 3,77. Điều phối các lực lượng tham gia đạt cao nhất (ĐTB = 3,77), song hướng dẫn đổi mới phương pháp dạy học (ĐTB = 3,43) và động viên đội ngũ giáo viên (ĐTB = 3,43, mức tốt chỉ 9,4%) còn nhiều hạn chế.

Về kiểm tra-giám sát GDHN, ĐTB từ 3,54 đến 3,94. Xây dựng kế hoạch và tiêu chí kiểm tra đạt tốt nhất (ĐTB = 3,94), trong khi “phát hiện, điều chỉnh và hỗ trợ kịp thời” còn thấp (ĐTB = 3,54; mức trung bình chiếm 35,9%).

Về đảm bảo cơ sở vật chất, ĐTB từ 3,26 đến 3,88. Trang bị thiết bị dạy học được đánh giá tốt nhất (ĐTB = 3,88), trong khi bố trí và sử dụng cơ sở vật chất hiệu quả còn thấp nhất (ĐTB = 3,26; tỷ lệ yếu và kém chiếm 25,3%).

#### **4.3. Đánh giá chung**

**Điểm mạnh:** Các trường đã nhận thức đúng về GDHN và triển khai tương đối đồng bộ. Công tác tổ chức thực hiện, kiểm tra phối hợp, huy động nguồn lực và quản lý thiết bị đạt kết quả khá. Đội ngũ giáo viên có tinh thần trách nhiệm và bước đầu áp dụng các phương pháp điều chỉnh linh hoạt.

**Hạn chế:** (1) Năng lực giáo viên về dạy học cá thể hóa còn chưa đồng đều; (2) Việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân (IEP) thiếu đồng bộ; (3) Công tác chỉ đạo đổi mới phương pháp và tạo động lực cho giáo viên chưa hiệu quả; (4) Điều kiện cơ sở vật chất, đặc biệt hệ thống công trình tiếp cận, chưa đáp ứng; (5) Cơ chế phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng còn lỏng lẻo.

Nguyên nhân chủ yếu gồm: thiếu năng lực chuyên môn sâu về giáo dục đặc biệt; quản lý còn nặng tính hành chính; hoạt động bồi dưỡng chưa thường xuyên; nguồn lực tài chính hạn chế; và sự tham gia của phụ huynh chưa tích cực.

#### **4.4. Biện pháp quản lý hoạt động giáo dục hòa nhập**

*Biện pháp 1: Tổ chức bồi dưỡng nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên về sự cần thiết phải quản lý hoạt động giáo dục hòa nhập ở các trường tiểu học.*

(1) Tổ chức bồi dưỡng kiến thức lý luận về GDHN, bao gồm các khái niệm cơ bản, nguyên tắc, mục tiêu và vai trò của GDHN trong hệ thống giáo dục tiểu học. (2) Cập nhật các văn bản pháp lý, chính sách liên quan đến GDHN, đặc biệt là

quyền của học sinh khuyết tật và trách nhiệm của nhà trường. (3) Bồi dưỡng kỹ năng quản lý và tổ chức hoạt động GDHN gồm lập kế hoạch, phân công nhiệm vụ, giám sát và đánh giá hiệu quả. (4) Tổ chức các buổi tập huấn chuyên sâu với chuyên gia giáo dục đặc biệt; áp dụng sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học và xây dựng cộng đồng học tập trong nhà trường. (5) Ứng dụng công nghệ thông tin trong bồi dưỡng như xây dựng kho học liệu trực tuyến, video bài giảng mẫu; gắn kết quả bồi dưỡng với công tác thi đua, khen thưởng nhằm tạo động lực bền vững.

*Biện pháp 2: Lập kế hoạch hoạt động giáo dục hòa nhập ở các trường tiểu học.*

(1) HT chỉ đạo thành lập tổ công tác xây dựng kế hoạch GDHN ngay từ đầu năm học, gồm đại diện BGH, tổ trưởng chuyên môn, GVCN có lớp học sinh hòa nhập, nhân viên y tế và đại diện cha mẹ học sinh. (2) Tổ chức rà soát, cập nhật hồ sơ học sinh có nhu cầu giáo dục đặc biệt; thu thập thông tin về dạng tật, mức độ khó khăn, khả năng nhận thức và nhu cầu hỗ trợ riêng làm căn cứ xây dựng kế hoạch. (3) Xác định mục tiêu cụ thể, đo lường được theo từng học kỳ và tháng; phân công trách nhiệm rõ ràng cho từng bộ phận và cá nhân. (4) Xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân (IEP) cho từng học sinh có nhu cầu đặc biệt, nêu rõ nội dung hỗ trợ, phương pháp, thời gian đánh giá và người chịu trách nhiệm. (5) Tổ chức giao ban định kỳ hằng tháng để theo dõi tiến độ và điều chỉnh linh hoạt; đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch cuối học kỳ và cuối năm làm căn cứ cải tiến.

*Biện pháp 3: Tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục hòa nhập ở các trường tiểu học.*

Nội dung và cách thực hiện: (1) Tổ chức các cuộc họp chuyên môn định kỳ theo tổ/khối; yêu cầu GV trình bày kế hoạch bài dạy có điều chỉnh cho học sinh hòa nhập và chia sẻ tình huống thực tế. (2) Xây dựng ngân hàng tài liệu dạy học hòa nhập gồm giáo án mẫu, tài liệu hỗ trợ và video minh họa để GV tham khảo và áp dụng. (3) Tổ chức triển khai hỗ trợ cá nhân hoặc nhóm nhỏ với lịch cố định mỗi tuần; ghi chép đầy đủ vào hồ sơ theo dõi làm căn cứ đánh giá tiến bộ học sinh. (4) Xây dựng lịch họp phụ huynh định kỳ riêng đối với học sinh hòa nhập; sử dụng sổ liên lạc điện tử hoặc nhóm trao đổi trực tuyến để cập nhật thông tin kịp thời. (5) Ứng dụng phần mềm quản lý học sinh để lưu trữ hồ sơ IEP, theo dõi tiến độ và chia sẻ thông tin giữa các bộ phận liên quan.

*Biện pháp 4: Chỉ đạo hoạt động giáo dục hòa nhập ở các trường tiểu học.*

(1) HT ban hành kế hoạch chỉ đạo hoạt động GDHN từ đầu năm học; phân công một phó HT hoặc tổ trưởng chuyên môn trực tiếp phụ trách công tác GDHN. (2) Tổ chức họp chuyên đề đầu năm với GV có học sinh hòa nhập; hướng dẫn xây dựng IEP, xác định mục tiêu ngắn hạn và dài hạn cho từng em. (3) Chỉ đạo GV áp dụng phương pháp dạy học phân hóa, học theo nhóm nhỏ, sử dụng học liệu trực quan; xây dựng mô hình “bạn đồng hành” trong lớp. (4) Thiết lập chế độ giao ban hằng tháng về GDHN; kịp thời xử lý phát sinh như bố trí người hỗ trợ thêm giờ, tư vấn tâm lý hoặc mời phụ huynh trao đổi trực tiếp. (5) HT chủ động liên hệ trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN, bệnh viện, chuyên gia tâm lý tại địa phương để tư vấn chuyên môn; gắn kết quả GDHN vào tiêu chí thi đua của tổ chuyên môn và GVCN.

*Biện pháp 5: Kiểm tra, giám sát hoạt động giáo dục hòa nhập ở các trường tiểu học.*

(1) HT xây dựng kế hoạch KT hoạt động GDHN theo từng học kỳ và năm học. (2) HT tiến hành KT đi sâu vào toàn bộ quá trình triển khai hoạt động GDHN của các GV trong toàn trường thông qua dự giờ, kiểm tra hồ sơ chuyên môn và hồ sơ IEP; phỏng vấn GV, phụ huynh và học sinh để thu thập thông tin đa chiều. (3) HT tổ chức tổng kết và rút kinh nghiệm về hoạt động GDHN của SV trong toàn trường. (4) HT thực hiện công tác tuyên dương, khen thưởng đồng thời nhắc nhở, chấn chỉnh đối với những trường hợp chưa thực hiện nghiêm túc quy định của Nhà trường. (5) HT sử dụng kết quả KT để điều chỉnh kế hoạch, hoàn thiện quy trình.

*Biện pháp 6: Đảm bảo cơ sở vật chất cho hoạt động giáo dục hòa nhập ở các trường tiểu học.*

(1) HT chỉ đạo xây dựng kế hoạch tổng thể về bảo đảm cơ sở vật chất theo từng năm học, căn cứ vào số lượng học sinh hòa nhập, dạng tật và khả năng ngân sách; xác định hạng mục ưu tiên, thời gian và nguồn kinh phí. (2) Tổ chức kiểm tra toàn bộ khuôn viên trường để phát hiện vị trí gây khó khăn cho học sinh khuyết tật; lập danh mục cải tạo cụ thể như lắp ram dốc, bổ sung tay vịn, chống trơn trượt và bố trí biển chỉ dẫn rõ ràng. (3) Trang bị thiết bị và học liệu chuyên biệt theo từng nhóm nhu cầu học sinh như thiết bị trợ thính, tài liệu chữ nổi, bảng giao tiếp, bàn ghế chuyên dụng; bố trí

phòng hỗ trợ GDHN với đầy đủ đồ dùng và thiết bị cần thiết. (4) HT tham mưu với Phòng Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân địa phương và ban đại diện cha mẹ học sinh để huy động nguồn kinh phí hợp pháp; vận động doanh nghiệp hỗ trợ thiết bị, học liệu và cải tạo cơ sở vật chất. (5) Ban hành quy chế mượn, sử dụng và bảo quản thiết bị hỗ trợ; tổ chức bảo trì định kỳ các hạng mục liên quan đến an toàn học sinh; đánh giá hiệu quả đầu tư cuối năm làm căn cứ hoàn thiện kế hoạch năm học tiếp theo.

## V. KẾT LUẬN

Nghiên cứu đã hệ thống hóa cơ sở lý luận, khảo sát thực trạng và đề xuất 06 biện pháp quản lý hoạt động GDHN ở các trường tiểu học Quận 7, TP. Hồ Chí Minh. Kết quả cho thấy GDHN và quản lý GDHN đạt mức khá, song còn tồn tại những hạn

chế về năng lực giáo viên, cơ chế phối hợp và điều kiện cơ sở vật chất. Sáu biện pháp đề xuất - bồi dưỡng nhận thức, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo, kiểm tra - giám sát và đảm bảo cơ sở vật chất - tạo thành một hệ thống đồng bộ, hỗ trợ lẫn nhau nhằm nâng cao chất lượng quản lý GDHN.

Để triển khai hiệu quả, cần: (1) Tăng cường bồi dưỡng chuyên môn cho CBQL và GV về GDHN; (2) Hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng; (3) Đầu tư cải tạo cơ sở hạ tầng tiếp cận; (4) Xây dựng văn hóa kiểm tra mang tính hỗ trợ - phát triển. Với sự vận dụng linh hoạt, các biện pháp này có thể được nhân rộng tại các trường tiểu học khác trong điều kiện tương tự, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục hòa nhập của Việt Nam trong giai đoạn đổi mới giáo dục hiện nay.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ainscow, M. (2020). Promoting inclusion and equity in education: Lessons from international experiences. *Nordic Journal of Studies in Educational Policy*, 6(1), 7–16. <https://doi.org/10.1080/20020317.2020.1729587>
- Ainscow, M., & Sandill, A. (2010). Developing inclusive education systems: The role of organisational cultures and leadership. *International Journal of Inclusive Education*, 14(4), 401–416. <https://doi.org/10.1080/13603110802504903>
- Ainscow, M., Booth, T., & Dyson, A. (2006). *Improving schools, developing inclusion*. Routledge.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). Thông tư 03/2018/TT-BGDĐT quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật. Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Bush, T. (2011). *Theories of educational leadership and management (4th ed.)*. SAGE Publications.
- Fayol, H. (1949). *General and industrial management*. Pitman.
- Florian, L. (2014). What counts as evidence of inclusive education? *European Journal of Special Needs Education*, 29(3), 286–294. <https://doi.org/10.1080/08856257.2014.933551>
- Florian, L., & Black-Hawkins, K. (2011). Exploring inclusive pedagogy. *British Educational Research Journal*, 37(5), 813–828. <https://doi.org/10.1080/01411926.2010.501096>
- Gómez-Hurtado, I. (2021). Leadership and inclusive education: Implications for school management. *Journal of Educational Administration*, 59(2), 190–210.
- Koontz, H. (1993). *Management (10th ed.)*. McGraw-Hill.
- Leithwood, K., Louis, K. S., Anderson, S., & Wahlstrom, K. (2006). *How leadership influences student learning*. The Wallace Foundation.
- Nguyễn Đức Minh, Phạm Minh Mục, & Lê Văn Tạc. (2006). *Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật ở Việt Nam*. Nhà xuất bản Giáo dục.
- Nguyễn Thị Hoàng Yến. (2012). *Giáo dục đặc biệt và các thuật ngữ cơ bản*. Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.
- Nguyễn Xuân Hải. (2010). *Quản lý giáo dục hòa nhập*. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
- Nguyễn Xuân Hải. (2016). *Giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật ở trường tiểu học*. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
- Nilholm, C. (2021). Research about inclusive education in 2020 – How can we improve our theories in order to change practice? *European Journal of Special Needs Education*, 36(3), 358–369.
- Quốc hội. (2010). Luật số 51/2010/QH12: Luật người khuyết tật. Nhà xuất bản Tư pháp.
- Quốc hội. (2019). Luật Giáo dục số 43/2019/QH14. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Slee, R. (2011). *The irregular school: Exclusion, schooling and inclusive education*. Routledge.
- Taylor, F. W. (1911). *The principles of scientific management*. Harper & Brothers.
- Trần Thị Lệ Thu. (2015). *Đại cương giáo dục trẻ khuyết tật trí tuệ*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
- UNESCO. (1994). *The Salamanca statement and framework for action on special needs education*. UNESCO.
- UNESCO. (2009). *Policy guidelines on inclusion in education*. UNESCO.
- UNESCO. (2020). *Global education monitoring report 2020: Inclusion and education – All means all*. UNESCO.
- Waitoller, F. R., & Artiles, A. J. (2013). A decade of professional development research for inclusive education: A critical review and notes for a sociocultural research program. *Review of Educational Research*, 83(3), 319–356.
- Walton, E. (2017). Inclusive education as a de-colonising practice. *South African Journal of Education*, 37(4), 1–9.